

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 439/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 9 - 2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Công Điện;
2. Ông Huỳnh Mẫn Xuyên.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2020/QĐXXST-HN, ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2020/QĐST-HN, ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Thạch T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 454, T, Phường 5, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* **Võ Minh L**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Thạch T (sau đây gọi chị T) trình bày: giữa chị và bị đơn Võ Minh L (sau đây gọi anh L) qua tìm hiểu nhau, tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống khoảng hơn một năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống trong tất cả mọi công việc, từ đó thường cãi vã nhau trong

cuộc sống, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân hơn mười năm nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh L.

-Về con chung: có một người con chung tên Võ Duy A (nam), sinh ngày 28 tháng 4 năm 2005. Từ khi ly thân đến nay, con sống với chị T, nay ly hôn chị yêu cầu được con chung.

Về cấp dưỡng, chị T trình bày: ly thân đã hơn mười năm, con chung do chị nuôi dưỡng, anh Luân chưa bao giờ tiếp được tiền nuôi con lần nào. Hiện nay, hàng tháng chị nhận được tiền trợ cấp người khuyết tật của Nhà nước. Ngoài ra, chị còn có thêm nguồn thu nhập do chị làm trong Hội người mù. Ngoài ra, con chung cũng 15 tuổi, đã lớn nên chị không yêu cầu cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Tiên trình bày bổ sung: sau khi ly thân với chồng hơn một năm (năm chị 23 tuổi) thì chị bị bệnh lao màng não và hậu quả là gần như không thấy đường hoàn toàn, đi lại rất khó khăn, phải có người trợ giúp. Vừa qua, chị nhờ người khác làm đơn và có đọc lại chị nghe, nội dung đơn là đúng sự thật. Do đi lại rất khó khăn, các vấn đề có liên quan đến vụ án chị đã cung cấp đầy đủ nên chị yêu cầu: không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử, chị xin vắng mặt khi xét xử.

Bị đơn Võ Minh L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại bản tự khai ngày 22.7.2020, cháu Võ Duy A trình bày (có sự chứng kiến của ông, bà ngoại cháu và xác nhận của Chính quyền địa phương): từ trước đến nay cháu sống với mẹ. Khi cha, mẹ cháu ly hôn, các cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng; bị đơn chưa phải cấp dưỡng; về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị Thạch T có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt (có người chứng kiến); anh Võ Minh L được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: chị T và anh L qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 01 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T: chị và anh L trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nhưng không có giải pháp khắc phục để hoà giải, hàn gắn tình cảm mà đã sống ly thân từ năm 2010; xét thấy thời gian ly thân đã lâu thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L vì thời gian ly thân quá lâu mà không gặp mặt nhau nên cương quyết xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: có một người con chung, xét từ khi ly thân đến nay hơn mười năm thì cháu An do chị T nuôi dưỡng, chị T có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu An, nguyện vọng của cháu được sống với mẹ, xét cháu An có cuộc sống ổn định với chị Tiên, nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của cháu cần tiếp tục giao cháu cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị T, anh L có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị T chưa yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh L mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn là người khuyết tật nên được miễn nộp án phí theo quy định pháp luật.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Thạch T và anh Võ Minh L.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Võ Duy A (nam), sinh ngày 28 tháng 4 năm 2005 cho chị Thạch T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi hoặc khi anh L, chị T có yêu cầu khác.

Anh Võ Minh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Võ Minh L mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét
4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Thạch T được miễn nộp toàn bộ.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND P.5, TP T,
- t.Sóc Trăng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm